

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7314**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm 2019



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban  
Nhân dân Thành phố  
Ngày ký: 26/12/2019  
09:15:57 +07:00

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới  
kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ văn bản số 521/VPCP-NN ngày 15/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành nội dung trọng tâm xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, điều kiện, tiêu chí xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, định hướng chỉ đạo xây dựng tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ văn bản số 173/TB-VPCP ngày 10/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ văn bản số 230/VPĐP-NV&MT ngày 02/4/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc ban hành tiêu chí và chỉ đạo thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 419/TTr-SNN ngày 14/11/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020 (Bộ tiêu chí kèm theo).

Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020 là căn cứ để UBND các huyện, thị xã chỉ đạo UBND



AT

các xã xây dựng kế hoạch thực hiện khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 và các năm tiếp theo; kiểm tra, đánh giá, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố và các sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020. Tổng hợp hướng dẫn của các sở, ngành liên quan, ban hành hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020. Phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, xây dựng hướng dẫn việc thực hiện, đánh giá, chấm điểm theo lĩnh vực quy định tại Quyết định này, gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tổng hợp, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội ban hành hướng dẫn chung.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tham mưu UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí hàng năm giao các địa phương đăng ký xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và hướng dẫn tổ chức thực hiện nguồn kinh phí được giao theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các Ban thuộc Thành ủy Hà Nội, các sở, ban, ngành liên quan thuộc Thành phố tham gia giám sát, phối hợp thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn Thành phố theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chỉ đạo UBND các xã xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

- Bố trí kinh phí cho các xã xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu theo quy định.

- Thẩm định, xét công nhận các khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu. Kết quả báo cáo gửi định kỳ theo quý, năm về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố.

6. Ủy ban nhân dân các xã

- Tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020.

- Hướng dẫn các khu dân cư xây dựng, đánh giá, tổng hợp mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu. Đề nghị UBND huyện, thị xã xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu khi đủ điều kiện báo cáo gửi về UBND huyện, thị xã kết quả thực hiện theo quý, năm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *P*

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- Đ/c Phó Bí thư Thường trực Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VPUB; CVP, các PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT *Quang* *AL*

42043 - 30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *LM*  
CHỦ TỊCH *LM*  
  
Nguyễn Đức Chung

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số **7314/QĐ-UBND** ngày **26/12/2019** của UBND Thành phố)

| TT | Tên tiêu chí                 | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                        | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | Quy hoạch                    | Có quy hoạch chi tiết điểm dân cư tỷ lệ 1/500                                                                                                                                                                                            | Đạt      |
| 2  | Giao thông                   | 2.1. Tỷ lệ km đường trong khu dân cư được bê tông hóa hoặc nhựa hóa                                                                                                                                                                      | 100%     |
|    |                              | 2.2. Các nút giao của đường trong khu dân cư có quy mô tương tự đường xã phải được bố trí hệ thống báo hiệu đường bộ đảm bảo an toàn giao thông                                                                                          | 100%     |
|    |                              | 2.3. Hệ thống rãnh thoát nước đường trong khu dân cư được đầy nắp đảm bảo chịu lực, đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường                                                                                                     | 100%     |
| 3  | Hạ tầng thương mại nông thôn | 3.1. Không có chợ cóc                                                                                                                                                                                                                    | Đạt      |
|    |                              | 3.2. Có mô hình siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn                                                                                                                                             | Đạt      |
| 4  | Cơ sở vật chất nhà văn hóa   | 4.1. Nhà văn hóa thôn                                                                                                                                                                                                                    |          |
|    |                              | a. Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định                                                                                                                                                                                              | Đạt      |
|    |                              | b. Có ban chủ nhiệm Nhà văn hóa, Quy chế và Kế hoạch hoạt động nhằm thu hút mọi người tham gia các phong trào. Tổ chức các buổi tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nói chuyện chuyên đề | Đạt      |
|    |                              | c. Nhà văn hóa thôn có tủ sách từ 100 đầu sách, báo, tạp chí trở lên. Có khuôn viên và các công trình phụ trợ thiết yếu phù hợp.                                                                                                         | Đạt      |
|    |                              | d. Có trang bị máy tính kết nối mạng internet                                                                                                                                                                                            | Đạt      |
|    |                              | e. Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                 | Đạt      |
|    |                              | 4.2. Khu thể thao thôn                                                                                                                                                                                                                   |          |
|    |                              | a. Có khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định                                                                                                                                                                                          | Đạt      |
|    |                              | b. Có lắp đặt dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                        | Đạt      |
|    |                              | c. Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao thu hút người dân tham gia thường xuyên                                                                                                                                                       | Đạt      |

11/12/2019

| TT | Tên tiêu chí              | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu |
|----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 5  | Hệ thống điện             | 5.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện                                                                                                                                                                                                 |          |
|    |                           | a. Đường dây trung áp (nếu có) đạt chuẩn                                                                                                                                                                                                                      | 100%     |
|    |                           | b. Trạm biến áp phân phối (nếu có) đạt chuẩn                                                                                                                                                                                                                  | 100%     |
|    |                           | c. Đường dây hạ áp đạt chuẩn                                                                                                                                                                                                                                  | 100%     |
|    |                           | 5.2. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện                                                                                                                                           | 100%     |
|    |                           | 5.3. Tỷ lệ km đường trong khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                              | 100%     |
| 6  | Hộ nghèo                  | Không có hộ nghèo đa chiều (đã trừ các trường hợp điện BTXH theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo)                                                                                                                       | Đạt      |
| 7  | Vườn và nhà ở hộ gia đình | 7.1. Vườn hộ gia đình                                                                                                                                                                                                                                         |          |
|    |                           | a. Tổng diện tích đất vườn còn lại (sau khi bố trí chuồng trại chăn nuôi, ao thả cá, sử dụng cho mục đích cần thiết khác nếu có) được trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến cáo, phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất của địa phương để tăng thu nhập | Đạt      |
|    |                           | b. Có áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo cảnh quan đẹp; Nông sản sản xuất tại vườn đảm bảo an toàn thực phẩm. Khuyến khích vườn được xây dựng theo thiết kế, quy hoạch chung của địa phương                                                   | Đạt      |
|    |                           | c. Tỷ lệ hộ có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường                                                                                                                                  | 100%     |
|    |                           | 7.2. Hàng rào, cổng ngõ:                                                                                                                                                                                                                                      |          |
|    |                           | a. Tỷ lệ hộ có hàng rào bằng cây xanh hoặc tường bao được bố trí chậu hoa, phủ bằng cây xanh                                                                                                                                                                  | 50%      |
|    |                           | b. Cổng ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hoà với cảnh quan làng quê                                                                                                                                                                                   | Đạt      |
|    |                           | 7.3. Nhà ở và các công trình phụ trợ                                                                                                                                                                                                                          |          |
|    |                           | a. Không có nhà tạm, dột nát                                                                                                                                                                                                                                  | Đạt      |
|    |                           | b. Nhà ở có kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán, giữ được nét đặc trưng văn hoá của địa phương; có nhà vệ sinh riêng, sạch sẽ; khu chăn nuôi (nếu có) đảm bảo vệ sinh                                                                                   | Đạt      |
|    |                           | 7.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định                                                                                                                                                                                                                | 100%     |

| TT | Tên tiêu chí        | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                 | Chỉ tiêu      |
|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 8  | Giáo dục và Đào tạo | 8.1. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo                                                                                                                       | $\geq 75\%$   |
|    |                     | 8.2. Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt 100% | Đạt           |
|    |                     | 8.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông hoặc học nghề                                                                | 100%          |
|    |                     | 8.4. Không có học sinh bỏ học (trừ trường hợp bất khả kháng), không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật                                                | Đạt           |
|    |                     | 8.5. Hình thành và hoạt động quỹ khuyến học có hiệu quả                                                                                                           | Đạt           |
| 9  | Y tế                | 9.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế                                                                                                                       | $\geq 90\%$   |
|    |                     | 9.2. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt                                                                                                                        | $\leq 13,5\%$ |
|    |                     | 9.3. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi                                                                                                               | $\geq 99\%$   |
| 10 | Văn hóa             | 10.1. Các công trình di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh của địa phương được quan tâm đầu tư, giữ gìn, bảo vệ                                          | Đạt           |
|    |                     | 10.2. Các loại hình văn hóa truyền thống về nghệ thuật, ẩm thực, làng nghề...(nếu có) được bảo tồn, phát triển                                                    | Đạt           |
|    |                     | 10.3. Xây dựng quy ước, hương ước có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và Quy tắc ứng xử nơi công cộng của UBND thành phố Hà Nội                        | Đạt           |
| 11 | Môi trường          | 11.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế                                                                                                 | 100%          |
|    |                     | 11.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định                                                                                                | Đạt           |
|    |                     | a. Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý theo quy định                                                                                                               | 100%          |
|    |                     | b. Có mô hình phân loại rác thải hữu cơ và vô cơ riêng biệt tại các hộ gia đình                                                                                   | Đạt           |

| TT | Tên tiêu chí                                  | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ tiêu |
|----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 11 | Môi trường                                    | 11.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (Hợp tác xã, Tổ hợp tác, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng                                                                                                                                                                          | Đạt      |
|    |                                               | 11.4. Cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt      |
|    |                                               | 11.5. Chuồng trại chăn nuôi đúng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học; đảm bảo vệ sinh môi trường,...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt      |
| 12 | Thu nhập                                      | Thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của huyện, thị xã tại năm đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đạt      |
| 13 | Hệ thống chính trị và an ninh, trật tự xã hội | 13.1. Hàng năm khu dân cư có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" và 100% hộ gia đình trên địa bàn ký cam kết giao ước thi đua xây dựng khu dân cư "An toàn về an ninh, trật tự"; có mô hình tự quản về an ninh, trật tự ở khu dân cư                                                                                                                                                                                                                    | Đạt      |
|    |                                               | 13.2. Không để xảy ra các hoạt động sau:<br>a. Chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;<br>b. Phá hoại, lấn chiếm, vi phạm pháp luật bảo vệ công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng;<br>c. Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự;<br>d. Mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. | Đạt      |

| TT | Tên tiêu chí                                                                 | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 13 | Hệ thống chính trị và an ninh, trật tự xã hội                                | <p>13.3. Thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác, bao gồm:</p> <p>a. Xóa bỏ, kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, nghiện hút,...) và các vi phạm pháp luật khác.</p> <p>b. Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của khu dân cư phạm tội nghiêm trọng trở lên; nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.</p> <p>c. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội; người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng (nếu có) phải được Công an xã lập hồ sơ quản lý.</p> <p>d. Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra.</p> | Đạt      |
|    |                                                                              | 13.4. Không phát sinh khiếu nại, tố cáo kéo dài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đạt      |
|    |                                                                              | 13.5. Công an viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; không có công an viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt      |
| 14 | Chấp hành pháp luật, quy ước, hương ước và các quy định khác của các tổ chức | 14.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100%     |
|    |                                                                              | 14.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện đúng quy định nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%     |

PHỔ H

Ph